

Bản án số: **18/2020/KDTM-ST**

Ngày: 17-04-2020

V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Hằng
2. Bà Huỳnh Thị Lệ Quyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Thế Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 04 năm 2020 tại Tòa án nhân dân Quận 10 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2019/TLST-KDTM ngày 21 tháng 05 năm 2019 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2020/QĐXXST-KDTM ngày 26 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2020/QĐST-KDTM ngày 17 tháng 03 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần bê tông H

Trụ sở: Đường M, Khu công nghiệp S, phường N, thị xã P, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Huy T - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lã Văn H (có mặt).

(theo giấy ủy quyền số 06/BTHH/PC-GUQ ngày 02/5/2019)

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần Đầu tư – Xây dựng T

Trụ sở: đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Đình K - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lâm Anh T (vắng mặt).

(theo giấy ủy quyền số 02/2019/UQ ngày 23/12/2019)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/05/2019 và quá trình giải quyết vụ án ông Lã Văn H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty Cổ phần bê tông H (gọi tắt: Công ty H) có ký 02 hợp đồng cung cấp bê tông với Công ty Cổ phần Đầu tư – Xây dựng T (gọi tắt: Công ty T), cụ thể:

- Hợp đồng số 99-2017/HĐBT ngày 08/06/2017 cung cấp cho công trình Trung Tâm Bảo hành Toyota Đông Sài Gòn, địa điểm: Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hợp đồng số 149-2017-HĐBT ngày 08/06/2017 cung cấp cho công trình Nhà máy Crown Coffee, địa điểm: đường D3, KCN Tây Bắc Củ Chi.

Hiện nay, Công ty T còn nợ lại 16 hóa đơn GTGT mà Công ty H đã xuất cho Công ty T với số tiền là 5.311.508.466 đồng. Công ty T đã ký nhận trên hóa đơn VAT của Công ty H và không thắc mắc về khối lượng cũng như chất lượng bê tông Công ty H đã giao.

Theo thỏa thuận trong hợp đồng khoản 2 Điều 4 Công ty T thanh toán 100% giá trị bê tông trong vòng không quá 30 ngày kể từ ngày cung cấp... Trường hợp thanh toán trễ hạn Công ty T phải chịu lãi suất quá hạn vay quá hạn của Ngân hàng TMCP tại thời điểm thanh toán.

Sau khi thụ lý vụ án, Công ty T thanh toán cho Công ty H vào ngày 02/08/2019 là 300.000.000 đồng và ngày 27/12/2019 là 400.000.000 đồng. Tổng cộng là 700.000.000 đồng. Như vậy, Công ty T còn nợ lại 5.311.508.466 đồng – 700.000.000 đồng = 4.611.508.466 đồng.

Nay, Công ty Cổ phần bê tông H đề nghị Tòa án:

- Buộc Công ty Cổ phần Đầu tư – Xây dựng T phải thanh toán nợ gốc 4.611.508.466 đồng cho Công ty Cổ phần bê tông H

- Buộc Công ty Cổ phần Đầu tư – Xây dựng T phải thanh toán lãi suất tạm tính từ ngày 30/05/2018 là hạn cuối thanh toán đến ngày 17/04/2020 là 23 tháng theo lãi suất vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP tại thời điểm thanh toán là 731.820.878 đồng.

Tổng cộng 4.611.508.466 đồng + 731.820.878 đồng = 5.343.329.344 đồng

Tại biên bản hòa giải ngày 06/01/2020 đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Lâm Anh T trình bày:

Công ty H và Công ty T có ký 2 hợp đồng kinh tế số 99-2017/HĐBT ngày 08/06/2017 và hợp đồng số 149-2017-HĐBT ngày 08/06/2017.

Sau khi thực hiện hợp đồng đến nay Công ty T còn nợ số tiền 4.611.508.466 đồng.

Đối với số tiền lãi mà Công ty H yêu cầu tạm tính từ ngày 30/05/2018 đến ngày 02/01/2020 là: 4.611.508.466 đồng x 9%/năm x 150% quá hạn x 19,5 tháng = 1.011.649.669 đồng, Công ty T sẽ thương lượng với Công ty H sau.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn xác định lại yêu cầu khởi kiện như sau:

- Công ty T còn nợ lại 18 hóa đơn GTGT của 2 hợp đồng kinh tế số 99-2017/HĐBT ngày 08/06/2017 và hợp đồng số 149-2017-HĐBT ngày 08/06/2017 tổng số tiền là 5.311.508.466 đồng, chứ không phải là 16 hóa đơn GTGT như trong đơn khởi kiện.

- Công ty H xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện do sau khi thụ lý vụ án Công ty T đã thanh toán 700.000.000 đồng. Như vậy, hợp đồng số 99-2017/HĐBT ngày 08/06/2017 cung cấp cho công trình Trung Tâm Bảo hành Toyota Đông Sài Gòn đã thanh toán xong. Công ty H chỉ yêu cầu thanh toán số tiền 4.611.508.466 đồng, gồm 14 hóa đơn GTGT của của hợp đồng số 149-2017-HĐBT ngày 08/06/2017 cung cấp cho công trình Nhà máy Crown Coffee.

- Đối với số tiền lãi: Theo thỏa thuận tại khoản 2 Điều 4 của hợp đồng

+ Số tiền tính lãi: Số tiền trên từng hóa đơn GTGT.

+ Thời hạn: Từ ngày thứ 31 kể từ ngày cung cấp (ngày xuất hóa đơn GTGT) cho đến ngày 17/04/2020 (ngày xét xử sơ thẩm).

+ Lãi suất: Lãi suất vay ngắn hạn trung bình của 3 ngân hàng thương mại cổ phần là: 9,5%/năm

Tiền lãi là: 662.759.881 đồng.

- Như vậy, Công ty H yêu cầu Công ty T thanh toán tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 17/04/2020 là 4.611.508.466 đồng + 662.759.881 đồng = 5.274.268.347 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật

Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng thẩm quyền, thời hiệu, quan hệ pháp luật tranh chấp. Những người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào lời trình bày của đại diện nguyên đơn tại phiên Tòa phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ. Căn cứ Điều 50 của Luật Thương mại 2005, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện do nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu đối với số tiền 700.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”. Do bị đơn có trụ sở tại Quận 10 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10 theo quy định tại theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng

dân sự 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng của Tòa án:

Xét bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Về yêu cầu đương sự:

Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa và các chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Công ty H và Công ty T có ký 2 hợp đồng cung cấp bê tông số 99-2017/HĐBT ngày 08/06/2017 cung cấp cho công trình Trung tâm bảo hành Toyota Đông Sài Gòn và hợp đồng số 149-2017-HĐBT ngày 08/06/2017 cung cấp cho công trình Nhà máy Crown Coffee. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T còn nợ Công ty H 18 hóa đơn GTGT với tổng số tiền là 5.311.508.466 đồng. Sau khi thụ lý vụ án, Công ty T thanh toán cho Công ty H 2 lần với tổng số tiền là 700.000.000 đồng (vào ngày 02/08/2019 số tiền là 300.000.000 đồng và ngày 27/12/2019 số tiền là 400.000.000 đồng). Nay, Công ty T chỉ còn nợ Công ty H số tiền 4.611.508.466 đồng, gồm 14 hóa đơn GTGT của của hợp đồng số 149-2017-HĐBT ngày 08/06/2017 cung cấp cho công trình Nhà máy Crown Coffee.

Tại biên bản hòa giải ngày 06/01/2020, Công ty T cũng thừa nhận còn nợ Công ty H số tiền 4.611.508.466 đồng nên đây là tình tiết, sự kiện không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử chấp yêu cầu của nguyên đơn, buộc Công ty T phải thanh toán cho Công ty H số tiền bê tông chưa thanh toán là 4.611.508.466 đồng.

[4] Về tiền lãi suất:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 4 của hợp đồng số 149-2017-HĐBT ngày 08/06/2017 các bên có thỏa thuận: "*Bên B thanh toán cho bên A 100% giá trị bê tông trong vòng 30 ngày kể từ ngày cung cấp... Lãi suất quá hạn thanh toán được tính theo lãi suất vay ngắn hạn của ngân hàng thương mại cổ phần tại thời điểm thanh toán...*".

Xét việc thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 50 của Luật Thương mại nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, cách tính lãi như sau:

- Số tiền tính lãi: Số tiền trên từng hóa đơn GTGT.
- Thời hạn: Từ ngày thứ 31 kể từ ngày cung cấp (ngày xuất hóa đơn GTGT) cho đến ngày 17/04/2020 (ngày xét xử sơ thẩm).
- Lãi suất: Lãi suất ngắn hạn của Ngân hàng thương mại cổ phần. Tuy nhiên, hai bên không nên rõ là Ngân hàng thương mại cổ phần nào. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 11 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày

11/01/2019 áp dụng mức lãi suất trung bình của 3 ngân hàng.

Theo công văn số 1483NHNo-KHNV ngày 19/12/2019 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Lý Thường Kiệt thì lãi suất ngắn hạn là: 10%/năm; công văn ngày 13/01/2010 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 10 thì lãi suất ngắn hạn là 9,5%/năm; Thông báo số 06/TB.LSCVVN-HVU-KT/19 ngày 02/12/2019 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam thì lãi suất ngắn hạn là 9%/năm. Như vậy, mức lãi suất trung bình của 3 ngân hàng là 9,5%/năm. Tại phiên tòa nguyên đơn cũng thống nhất áp dụng mức lãi suất 9,5%/năm.

Cụ thể:

BẢNG TÍNH TIỀN LÃI PHÁT SINH DO CHẬM THANH TOÁN								
ST T	Số hóa đơn	Ngày hóa đơn	Thời điểm bắt đầu	Thời điểm kết thúc (ngày xét xử)	Thời gian chậm thanh toán	Số tiền chưa thanh toán (VNĐ)	Lãi suất 1 năm	Tiền lãi phát sinh (VNĐ)
1	2450	29/03/2018	29/04/2018	17/04/2020	1 năm 11 tháng 20 ngày	489.847.497 (đã trả 81.056.523, còn nợ 408.790.974)	9,5%	76.591.531
2	2451	29/03/2018	29/04/2018	17/04/2020	1 năm 11 tháng 20 ngày	386.432.498	9,5%	72.402.422
3	2967	28/04/2018	29/05/2018	17/04/2020	1 năm 10 tháng 20 ngày	175.355.000	9,5%	31.466.480
4	2968	28/04/2018	29/05/2018	17/04/2020	1 năm 10 tháng 20 ngày	149.750.000	9,5%	26.871.805
5	3662	31/05/2018	01/07/2018	17/04/2020	1 năm 9 tháng 17 ngày	287.369.999	9,5%	49.064.436
6	4167	30/06/2018	31/07/2018	17/04/2020	1 năm 8 tháng 18 ngày	331.194.999	9,5%	54.012.384
7	4653	31/07/2018	31/08/2018	17/04/2020	1 năm 7 tháng 18 ngày	729.224.998	9,5%	113.151.412
8	5035	30/08/2018	30/09/2018	17/04/2020	1 năm 6 tháng 19 ngày	230.295.000	9,5%	33.971.711
9	6240	07/11/2018	08/12/2018	17/04/2020	1 năm 4 tháng 10 ngày	356.365.000	9,5%	46.079.974
10	7569	30/01/2019	02/03/2019	17/04/2020	1 năm 1 tháng 16 ngày	848.749.998	9,5%	90.934.131
11	7648	31/01/2019	03/03/2019	17/04/2020	1 năm 1 tháng 15 ngày	265.260.000	9,5%	28.349.662

12	7816	25/02/2019	28/03/2019	17/04/2020	1năm 21 ngày	39.300.000	9,5%	3.951.287
13	8157	30/03/2019	30/04/2019	17/04/2020	11 tháng 19 ngày	246.635.000	9,5%	22.714.398
14	8653	29/04/2019	30/05/2019	17/04/2020	10 tháng 19 ngày	156.785.000	9,5%	13.198.248
Tổng số tiền chưa thanh toán (VNĐ):						4.611.508.466		
Tổng tiền lãi phát sinh(VNĐ):								662.759.881

[5] Về thời hạn thanh toán:

Do bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền còn nợ ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về rút một phần yêu cầu khởi kiện:

Tại phiên Tòa, nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện do sau khi thụ lý vụ án bị đơn đã thanh toán số tiền 700.000.000 đồng. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn là 5.274.268.347 đồng (tiền nợ gốc là 4.611.508.466 đồng, tiền nợ lãi là 662.759.881 đồng). Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 24, Điều 50, khoản 3 Điều 297 và Điều 306 của Luật thương mại 2005;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Xét xử vắng mặt bị đơn là Công ty Cổ phần Đầu tư – Xây dựng T.
2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Công ty Cổ phần Đầu tư – Xây dựng T phải thanh toán cho Công ty Cổ phần bê tông H tổng số tiền là 5.274.268.347 đồng (*năm tỷ hai trăm bảy mươi bốn triệu hai trăm sáu mươi tám ngàn ba trăm bốn mươi bảy đồng*), trong

đó: tiền nợ gốc là 4.611.508.466 đồng (*bốn tỷ sáu trăm mười một triệu năm trăm lẻ tám ngàn bốn trăm sáu mươi sáu đồng*), tiền nợ lãi tạm tính đến ngày 17/04/2020 là 662.759.881 đồng (*sáu trăm sáu mươi hai triệu bảy trăm năm mươi chín ngàn tám trăm tám mươi một đồng*) theo Hợp đồng kinh tế số 149-2017-HĐBT ngày 08/06/2017.

Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Việc giao nhận tiền được thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do tại phiên Tòa nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền là 700.000.000 đồng (*bảy trăm triệu đồng*).

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty Cổ phần Đầu tư – Xây dựng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 113.274.268 đồng (*một trăm mười ba triệu hai trăm bảy mươi bốn ngàn hai trăm sáu mươi tám đồng*) và nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn lại cho Công ty Cổ phần bê tông H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.947.858 đồng (*năm mươi sáu triệu chín trăm bốn mươi bảy ngàn tám trăm năm mươi tám đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0017286 ngày 15/05/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Quyền kháng cáo:

Công ty Cổ phần bê tông H có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Công ty Cổ phần Đầu tư – Xây dựng T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND Quận 10;
- TAND Tp HCM;
- THADS Quận 10;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thanh Vân